

## **BÁO CÁO**

### **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018, 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019; NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 5 THÁNG CUỐI NĂM 2019 CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG 15 TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN**

---

Khu vực miền Trung - Tây nguyên (MT-TN) gồm 15 tỉnh, thành phố: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Tổng diện tích tự nhiên toàn khu vực là 102.035 km<sup>2</sup>, chiếm hơn 30% diện tích tự nhiên của cả nước, bao gồm vùng ven biển một phần Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây nguyên với tổng chiều dài bờ biển hơn 1.456 km. Dân số của cả khu vực là trên 16,6 triệu người, chiếm hơn 18% dân số cả nước.

Nằm ở vị trí thuận tiện về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, việc giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các tỉnh thuận lợi nhờ đường sắt và Quốc lộ 1A xuyên suốt chiều dài nhiều tỉnh. Đồng thời khu vực còn có thể giao thương với các nước như Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanmar và xa hơn là các nước Nam Á và vùng Tây Nam Trung Quốc thông qua trục hành lang kinh tế Đông - Tây và hệ thống các Quốc lộ 14, 19, 24, 25, 29...

Đây là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú về rừng, núi, biển, đảo, vịnh nước sâu, đất đai, di sản văn hóa lịch sử... có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế với các ngành chủ lực như: Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, thủy điện, điện gió, điện mặt trời, công nghiệp đóng tàu; công nghiệp cơ khí; sản xuất thiết bị điện, điện tử, công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng...

Phát huy những lợi thế tiềm năng cộng với sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các Bộ, ngành Trung ương cùng với sự quyết tâm cao của toàn thể Đảng bộ, chính quyền và nhân dân 15 tỉnh, thành phố khu vực MT-TN, ngành Công Thương của 15 tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đã đạt được những kết quả đáng kể trong năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019.

## **Phần thứ nhất**

# **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KINH DOANH THƯƠNG MẠI NĂM 2018 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

## **A. TÌNH HÌNH CHUNG**

Năm 2018 mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, thách thức, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Chính Phủ, nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, nền kinh tế nước ta nói chung và ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đã đạt được những kết quả khả quan trong việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống của nhân dân được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường; công tác đối ngoại tiếp tục phát huy hiệu quả.

Bước sang năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội nói chung và của ngành Công Thương nói riêng tuy có chịu ảnh hưởng không nhiều của kinh tế thế giới nhưng vẫn phải đương đầu với không ít khó khăn và thách thức. Chính vì vậy, công tác đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu vực đã và đang chịu ảnh hưởng đáng kể. Một số dự án lớn chậm tiến độ đầu tư xây dựng để đưa vào hoạt động sản xuất. Một số ngành công nghiệp chủ yếu có mức tăng chậm hoặc thấp như: sản xuất đường, chế biến tinh bột sắn, chế biến thủy sản, thuốc lá điếu, bia, nước giải khát, công nghiệp đóng tàu, cát khai thác, vật liệu xây dựng...Ngành chế biến thủy sản, nông sản hoạt động cầm chừng do thiếu nguyên liệu và thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết quan trọng nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia như: Nghị quyết 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho Doanh nghiệp; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019, đồng thời thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện từng tháng, từng quý...

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chương trình hành động của Bộ Công Thương và UBND tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, kịp thời

tham mưu đề xuất nhiều giải pháp và chính sách cụ thể với các nhiệm vụ trọng tâm như: Cải thiện môi trường đầu tư, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy nội lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước.. cùng với sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, hoạt động công nghiệp – thương mại khu vực MT-TN trong năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019 có sự tăng trưởng. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2019.**

### **I. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP.**

#### **1. Tình hình sản xuất công nghiệp năm 2018**

##### ***1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 1)***

Năm 2018 đa số các địa phương khu vực MT-TN có chỉ số sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn bình quân cả nước là 10,2%. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, đây là kết quả của sự nỗ lực, cố gắng lớn của ngành. Một số tỉnh có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao như: Đắk Nông (+15%); Kon Tum (+14,4%); Gia Lai (+10,2%)...

##### ***1.2. Giá trị sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 2)***

Giá trị sản xuất công nghiệp (*giá so sánh năm 2010*) khu vực MT-TN năm 2018 (không tính tỉnh Khánh Hòa) đạt 443.953 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2017.<sup>1</sup>

#### **2. Tình hình sản xuất công nghiệp 7 tháng năm 2019**

##### ***2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 1)***

Một số tỉnh, thành phố trong khu vực có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao là: Kon Tum (+16%); Đắk Nông (+11,2%); Lâm Đồng (+10,6%); Thừa Thiên Huế (+9,6%); Quảng Trị (+9%).

##### ***2.2. Giá trị sản xuất công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục số 2)***

Giá trị sản xuất công nghiệp (*giá so sánh năm 2010*) toàn khu vực 7 tháng đầu năm 2019 (không tính tỉnh Khánh Hòa) vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá, ước đạt 262.216 tỷ đồng, tăng 6,84% so với cùng kỳ.<sup>2</sup>

##### ***2.3. Về tiêu chí số 4 về Điện (Phụ lục số 9)***

Qua rà soát, tổng hợp, đến nay, có 1.575/1.686 xã đạt Tiêu chí số 4, chiếm 93,42% tổng số xã của vùng, cao hơn bình quân chung cả nước (90%). Việc thực hiện Tiêu chí số 4 được UBND các tỉnh, thành phố huy động mọi nguồn lực, nguồn vốn để đầu tư, các Sở Công Thương cũng phối hợp tích cực

---

<sup>1</sup> Sản xuất công nghiệp năm 2018 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng nhiều tỉnh trong khu vực vẫn duy trì mức tăng trưởng, một số tỉnh đạt mức tăng trưởng cao như: Quảng Trị (+15,47%); Quảng Ngãi (+13,4%); Quảng Nam (+12,8%); Đắk Nông (+10,4%); Ninh Thuận (+9,5%); Kon Tum (+9,3%); Đà Nẵng (+9,2%); Thừa Thiên Huế (+9%).

<sup>2</sup> Một số tỉnh đạt mức tăng trưởng cao như: Đắk Nông (+21,3%); Lâm Đồng (+10,9%); Phú Yên (+10%); những tỉnh tăng trưởng +9%: Quảng Trị; Thừa Thiên Huế, Bình Định, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk.

với các Công ty điện lực tỉnh, thành phố trong khu vực để xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nhằm đáp ứng nhu cầu dùng điện thường xuyên và an toàn của người dân.

Mục tiêu đến hết năm 2019, phần đầu có 1.612/1.686 xã đạt tiêu chí số 4, chiếm tỷ lệ 95,61%, cao hơn mục tiêu bình quân chung của cả nước (91%).

### **3. Tình hình phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục 6a, 6b, 6c)**

Việc phát triển các Khu kinh tế và khu, cụm công nghiệp (CCN) của các tỉnh, thành trong khu vực được chú trọng; do đó đã tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, góp phần tạo ra việc làm cho nhiều lao động tại các địa phương.

#### **3.1. Về tình hình phát triển các Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp:**

Tính đến tháng 7/2019, toàn khu vực có 13 khu kinh tế (*với tổng diện tích 364.247 ha, có 673 dự án đi vào hoạt động với tổng số vốn thực hiện 409.664 tỷ đồng*); 57 khu công nghiệp (*với tổng diện tích 11.210 ha, có 1.651 dự án đi vào hoạt động với số vốn thực hiện 208.374 tỷ đồng, tạo việc làm cho khoảng 144.068 lao động*). Ngoài ra, Đà Nẵng là địa phương đầu tiên trong khu vực có khu công nghệ cao diện tích 1.128,40 ha, đã hoàn thành cơ sở hạ tầng giai đoạn 1 với diện tích 328 ha (tổng diện tích thuê đất 99,6 ha, lấp đầy 25,2%), có 17 dự án đang hoạt động với tổng vốn đầu tư là 11.257 tỷ đồng.

#### **3.2. Về tình hình phát triển CCN:**

- Theo quy hoạch phát triển CCN đến năm 2020, khu vực MT-TN có 377 CCN với tổng diện tích 10.975 ha. Đến nay, có 234 CCN được thành lập với tổng diện tích 6.878 ha; có 207 CCN với tổng diện tích 5.787 ha đi vào hoạt động, thu hút gần 2.000 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký của các dự án là 38.247 tỷ đồng, đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân 62%; tạo việc làm cho khoảng 78.000 lao động. Toàn khu vực có 18 CCN được đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải..

- Nhìn chung, việc thu hút, triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng CCN của khu vực còn chậm, hình thức đầu tư chủ yếu là vừa đầu tư hạ tầng vừa cho thuê đất; một số CCN có tỷ lệ lấp đầy chưa cao, vấn đề môi trường chưa được quan tâm đầu tư cải thiện, chỉ có 18/207 CCN đi vào hoạt động có xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải chung.

- Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng cho các CCN lớn, chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng CCN và huy động vốn từ doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong CCN) trong khi nguồn vốn ngân sách hạn chế, đầu tư nhỏ giọt theo kế hoạch ngân sách hàng năm khiến cơ sở hạ tầng hầu hết các CCN trong vùng chưa được đầu tư hoàn chỉnh. Công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao đất sạch cho doanh nghiệp chưa tốt, làm giảm khả năng thu hút dự án đầu tư vào CCN. Việc quản lý doanh nghiệp trong CCN còn nhiều bất cập và lúng túng...

## **II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI**

### **1. Hoạt động thương mại năm 2018**

#### ***1.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chi tiết tại Phụ lục 3)***

Năm 2018, mặc dù vẫn còn đương đầu với không ít khó khăn, thách thức. Tuy vậy, hoạt động thương mại - dịch vụ diễn ra tương đối sôi động tại các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN, giá cả các mặt hàng nhìn chung ổn định, cung cầu được bảo đảm. Công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được chú trọng và đổi mới phương thức quản lý, góp phần bảo vệ và hỗ trợ thị trường trong nước phát triển lành mạnh. Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu đã góp phần hỗ trợ và thúc đẩy phát triển sản xuất của các doanh nghiệp trong nước, tạo dựng thị trường vững chắc hơn cho hàng Việt tại thị trường trong nước. Nhờ đó hoạt động thương mại, dịch vụ khu vực đạt kết quả tăng trưởng cao; cụ thể: Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2018 của khu vực MT-TN đạt 697.209 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2017, thấp hơn mức tăng bình quân cả nước (+11,7%), chiếm tỷ trọng 15,86% so với cả nước. Một số tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao như: Lâm Đồng (+24,8%); Đắk Nông (+19,3%); Ninh Thuận và Kon Tum (+13,7%); Gia Lai và Bình Định (+13,5%); Khánh Hòa (+12,6%); Phú Yên (+12,1%). Các địa phương chiếm tỷ trọng cao trong toàn khu vực: Khánh Hòa 95.000 tỷ đồng (chiếm 13,63%); Đà Nẵng 90.200 tỷ đồng (chiếm 12,94%); Đắk Lắk 70.000 tỷ đồng (chiếm 10%); Bình Định 65.137 tỷ đồng (chiếm 9,34%).

#### ***1.2 Tình hình xuất, nhập khẩu***

##### ***a. Xuất khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4a)***

Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đạt trên 8.445,1 triệu USD (không có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam), tăng 10,4% so với năm 2017, thấp hơn mức tăng bình quân cả nước (+13,8%), chiếm tỷ trọng 3,45% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Một số tỉnh có mức tăng cao so với năm 2017 như: Kon Tum (+54,1%); Quảng Ngãi (+29%); Lâm Đồng (+19,7%); Ninh Thuận (+12,7%).

Các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao là: Đà Nẵng 1.597 triệu USD, Khánh Hòa 1.300 triệu USD, Đắk Nông 1.123 triệu USD, Thừa Thiên Huế 864,25 triệu USD, Bình Định 800 triệu USD... Đà Nẵng, Khánh Hòa và Đắk Nông đã vượt qua ngưỡng 1 tỷ USD xuất khẩu/năm.

##### ***b. Nhập khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4b)***

Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đạt gần 5.175,8 triệu USD (không có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam), tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2017.

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên vật liệu, phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và hàng hoá cho tiêu dùng. Cơ cấu hàng nhập

khẩu có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng hàng hoá phục vụ sản xuất, giảm tỷ trọng hàng hoá phục vụ cho tiêu dùng.

## **2. Hoạt động thương mại 7 tháng đầu năm 2019**

Trong những tháng đầu năm 2019, hoạt động thương mại tại các tỉnh, thành phố trong khu vực diễn ra khá sôi động, nguồn hàng phong phú, đa dạng với nhiều sự kiện trong các dịp lễ, tết và phục vụ mùa du lịch. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, tình hình thị trường ổn định, không xảy ra các hiện tượng biến động về giá. Các chương trình thực hiện Cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam với các chương trình bán hàng khuyến mại đã góp phần thúc đẩy thị trường tăng trưởng.

### **2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (chi tiết tại Phụ lục 3)**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng khu vực MT-TN 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 444.622 tỷ đồng, tăng 12,4% so với cùng kỳ và đạt 56,9% kế hoạch năm 2019. Trong đó: Có 5/15 tỉnh có mức tăng từ 14% trở lên là: Quảng Nam (+19,1%); Lâm Đồng (+18,8%); Bình Định (+14,5%); Đắk Lắk (+14,3%); Ninh Thuận (+14,1%). Các địa phương chiếm tỷ trọng cao trong toàn khu vực: Khánh Hòa 60.340 tỷ đồng (chiếm 13,57%); Đà Nẵng 56.350 tỷ đồng (chiếm 12,67%); Đắk Lắk 45.547 tỷ đồng (chiếm 10,24%); Bình Định 42.364 tỷ đồng (chiếm 9,53%).

### **2.2. Tình hình xuất nhập khẩu**

#### **a. Xuất khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4a)**

Kim ngạch xuất khẩu các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt gần 5.384,5 triệu USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ và đạt 59% kế hoạch năm 2019 (không có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam). Trong đó: Các tỉnh, thành phố có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao là: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Đắk Nông, Thừa Thiên Huế, Bình Định. Các địa phương có mức tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng chung của toàn khu vực: Quảng Ngãi 50,2%; Phú Yên 24,8%; Lâm Đồng 18%; Thừa Thiên Huế 13,5%; Bình Định và Khánh Hòa 13,2%.

#### **b. Nhập khẩu (chi tiết tại Phụ lục 4b)**

Kim ngạch nhập khẩu các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 3.087,6 triệu USD (chưa có số liệu các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nam), tăng 6,6% so với cùng kỳ và đạt 61% kế hoạch năm 2019.

Mặt hàng nhập khẩu chính vẫn là máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, hóa chất, sắt thép, dược phẩm, dầu thô, dệt may...

### **2.3. Về tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (chi tiết tại Phụ lục 9)**

Toàn vùng có 1.151/1.686 xã đạt chuẩn Tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chiếm 68,27% tổng số xã của vùng, thấp hơn bình quân chung cả nước (85,5%). Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển chợ theo quy hoạch. Việc thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên thực tế cũng gặp khó khăn do tỷ suất sinh lợi từ đầu tư chợ ở những khu vực nông thôn thấp và khó thu hồi vốn.

Mục tiêu đến hết năm 2019, phấn đấu có 1.251/1.686 xã đạt tiêu chí số 7 chiếm tỷ lệ 74,20%, thấp hơn mục tiêu bình quân chung của cả nước (87%).

### **3. Tình hình phát triển hạ tầng thương mại (chi tiết tại Phụ lục 7)**

Tính đến tháng 7/2019, đã thực hiện đầu tư so với quy hoạch là: 1.536 chợ (đạt 94,29%); 172 siêu thị (đạt 54,95%); 32 Trung tâm thương mại (đạt 36,17%); 3.047 cửa hàng xăng dầu (tăng 42,51%); 4.181 cửa hàng LPG (tăng 2,2 lần); 7 tổng kho hàng hoá (tăng 2,3 lần); 02 Trung tâm hội chợ triển lãm (đạt 14,28%); 01 Trung tâm logistic (tại Đà Nẵng) và 02 Kho ngoại quan.

Hệ thống hạ tầng thương mại được các tỉnh, thành trong khu vực và doanh nghiệp quan tâm đầu tư phát triển, đã hình thành mạng lưới phân phối hàng hoá rộng khắp các địa phương, đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hoá của dân cư. Các loại hình kinh doanh văn minh, hiện đại đã từng bước làm thay đổi nhận thức và thói quen mua sắm của người dân.

Các chợ truyền thống cũng được phân bố đều khắp trên địa bàn, ngoài vai trò là một kênh phân phối truyền thống quan trọng, cung cấp hàng hóa tiêu dùng thiết yếu cho nhu cầu hàng ngày của người dân; các chợ lớn, chợ trung tâm còn là điểm đến hấp dẫn, đậm nét văn hóa Việt cho khách du lịch tham quan mua sắm.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các địa phương đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, ý thức giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm trong kinh doanh thương mại.

## **III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **1. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, xây dựng chương trình, đề án phát triển ngành Công Thương**

- Để phát triển các ngành, lĩnh vực theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh, thành phố trong khu vực, công tác quản lý quy hoạch được quan tâm chỉ đạo thường xuyên như: Công bố quy hoạch trên mạng thông tin điện tử, trên truyền hình, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đăng ký triển khai các dự án theo quy hoạch; hạn chế tối đa việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, loại bỏ các công trình có hiệu quả kinh tế thấp. Về công tác lập quy hoạch: Đến nay hầu hết các tỉnh, thành đã hoàn thành việc lập quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016-2025, định hướng đến 2035 trình Bộ

Công Thương, UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch công nghiệp, quy hoạch thương mại để phù hợp với tình hình thực tế. Bên cạnh đó, để thực hiện Luật Quy hoạch có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, một số địa phương đã chủ động tham mưu UBND tỉnh dừng thực hiện một số quy hoạch như: quy hoạch hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, quy hoạch xăng dầu... để tích hợp và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh.

- Kịp thời xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Công Thương nhằm thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Duy trì việc rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Công Thương nhằm tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của các tổ chức, cá nhân. Đề xuất xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật mới phù hợp với sự phát triển của ngành trong giai đoạn hội nhập.

## **2. Công tác quản lý công nghiệp**

- Kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp để tham mưu cho các cấp có thẩm quyền và phối hợp với các đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp duy trì và đẩy mạnh sản xuất, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án sản xuất công nghiệp, các dự án xây dựng hạ tầng Khu, Cụm công nghiệp.

- Thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN; Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP..., Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực đã và đang: (i) Phổ biến, quán triệt thực hiện Nghị định 68/2017/NĐ-CP CCN đến các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan; (ii) Rà soát các quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và pháp luật hiện hành, tham mưu UBND cấp tỉnh xây dựng quy chế/quy định phối hợp quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong các CCN theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”; (iii) Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch (Hướng dẫn UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các thủ tục thành lập mới, đầu tư mở rộng các CCN theo quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP); thực hiện chế độ báo cáo về CCN; (iv) Rà soát, xây dựng, tham mưu UBND cấp tỉnh phê duyệt, thực hiện chính sách hỗ trợ hạ tầng đối với các CCN

- Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Xây dựng chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn.

- Báo cáo kết quả thực hiện các đề án thuộc Chương trình Khuyến công quốc gia và địa phương năm 2018, xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2019. Triển khai xây dựng Chương trình Khuyến công đến năm 2020.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ; triển khai đầu tư hạ tầng công nghiệp, khu, cụm công nghiệp chuyên ngành.

### **3. Công tác quản lý năng lượng**

- Tham mưu hướng dẫn việc giao nhận quản lý vận hành hệ thống điện được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cho ngành điện quản lý.

- Phối hợp các ngành, địa phương khảo sát địa điểm đầu tư các dự án điện mặt trời, điện gió và tham mưu UBND tỉnh, thành trình Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực. Hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư dự án điện gió, điện mặt trời đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án sau khi có Quyết định chủ trương đầu tư.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện. Chỉ đạo các đơn vị vận hành tăng cường cảnh báo để đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du khi vận hành nhà máy thủy điện. Rà soát các dự án, công trình thủy điện không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chậm tiến độ, trong đó đặc biệt chú ý đến môi trường, đất sản xuất và công tác di dân tái định cư. Tham mưu cho tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công, bảo đảm thời gian và chất lượng các công trình thủy điện.

- Phối hợp chặt chẽ với các Công ty Điện lực địa phương triển khai phương án đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Thường xuyên tổ chức kiểm tra hành lang an toàn lưới điện cao áp và các tổ chức kinh doanh điện đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực.

- Sở Công Thương các tỉnh đã thực hiện tốt vai trò là cơ quan thường trực, triển khai có hiệu quả Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua các hoạt động như: Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hưởng ứng Giờ trái đất; Tổ chức triển khai vận động các hộ gia đình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Nhân rộng mô hình điện mặt trời trên mái nhà; Phổ biến kiến thức, quy định của pháp luật về sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng; Hỗ trợ kiểm toán năng lượng cho các cơ sở công nghiệp.

- Công tác phát triển điện nông thôn cũng được các Sở tích cực triển khai thông qua các chương trình, đề án, dự án cải tạo nâng cấp lưới điện hạ áp nông thôn nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

#### **4. Công tác quản lý kỹ thuật, an toàn môi trường công nghiệp**

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Triển khai thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp; Triển khai các quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp đến các doanh nghiệp kinh doanh và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Triển khai đến các doanh nghiệp hoạt động hóa chất Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Hóa chất. Triển khai đến các doanh nghiệp Chỉ thị của Bộ Công Thương về tăng cường công tác An toàn-Vệ sinh lao động-Phòng chống cháy nổ trong ngành Công Thương.

- Tổ chức huấn luyện, kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn hóa chất, Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; kiểm tra, cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương; Triển khai thực hiện tháng an toàn thực phẩm hàng năm.

- Tích cực tham gia ý kiến về dự án thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ của các dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác, chế biến khoáng sản; tham gia các đoàn kiểm tra thực địa đối với các khu vực xin cấp mới và gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản của doanh nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh, tiếp tục thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp,...

#### **5. Công tác quản lý về an toàn thực phẩm:**

- Tham mưu UBND các tỉnh, thành phố thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý ngành Công Thương theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm phù hợp với phân cấp của Bộ Công Thương và Kế hoạch số 2280/KH-BCT ngày 03/4/2019 của Bộ Công Thương về triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương năm 2019.

- Tăng cường công tác quản lý an toàn thực phẩm Ngành Công Thương, trong đó tập trung tại các cơ sở sản xuất, Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, chợ dân sinh và cao điểm là “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” tổ chức hàng năm. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố về phân cấp, chuyển giao nhiệm vụ quản lý nhà nước ATTP cho cấp xã quản lý. Rà soát ban hành mới và bãi bỏ TTHC đối với lĩnh vực an toàn thực phẩm ngành Công Thương, Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức các hoạt động thanh tra, kiểm tra về công tác quản lý ATVSTP trên địa bàn các tỉnh.

#### **6. Công tác khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp (chi tiết tại Phụ lục 5)**

Công tác triển khai các nội dung hoạt động khuyến công của các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đã ngày càng đa dạng và phong phú hơn; các hoạt động khuyến công đã bám sát mục tiêu, kế hoạch của Chương trình khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương. Hoạt động khuyến công đã giúp các cơ sở sản xuất công nghiệp từng bước mở rộng quy mô, áp dụng máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ mới vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã, bao bì; giải quyết được nhiều việc làm ở khu vực nông thôn... và góp phần tích cực vào thực hiện kế hoạch sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp ở các địa phương và khu vực.

Trong năm 2018, toàn khu vực đã thực hiện 427 đề án khuyến công, tăng 6,2% so với năm 2017; trong đó khuyến công quốc gia 53 đề án, giảm 10% so với năm 2017; khuyến công địa phương 374 đề án, tăng 9%. Tổng kinh phí khuyến công toàn khu vực thực hiện trên 53,938 tỷ đồng, tăng 32,92% so với năm 2017 (40,58 tỷ đồng); trong đó khuyến công quốc gia 24,44 tỷ đồng, tăng 2,26% so với năm 2017; khuyến công địa phương 29,49 tỷ đồng, tăng 77,66% so với năm 2017. Bình quân kinh phí khuyến công đạt 3,6 tỷ đồng/01 tỉnh, tăng 36,53% so với bình quân năm 2017. Một số tỉnh, thành phố có nguồn kinh phí khuyến công cao hơn bình quân chung của khu vực như: Lâm Đồng 10,64 tỷ đồng; Quảng Nam 6,96 tỷ đồng; Bình Định 6,88 tỷ đồng; Kon Tum 4,69 tỷ đồng; Quảng Bình 4,53 tỷ đồng....

Trong 7 tháng đầu năm 2019, toàn khu vực đã thực hiện 165 đề án khuyến công, giảm 25% so với cùng kỳ; trong đó: Khuyến công quốc gia 13 đề án, giảm 55,2% so với cùng kỳ (trong đó năm 2019, khuyến công quốc gia thực hiện các đề án điểm và đề án nhóm, nên số lượng đề án giảm đáng kể); khuyến công địa phương 152 đề án, giảm 20,4% so với cùng kỳ. Tổng kinh phí khuyến công thực hiện trên 17,16 tỷ đồng, giảm 19,4% so với cùng kỳ, đạt 30,4% kế hoạch năm; trong đó: Khuyến công quốc gia 5,04 tỷ đồng, giảm 36% so với cùng kỳ, đạt 20,8% kế hoạch; khuyến công địa phương 12,12 tỷ đồng, giảm 9,6% so với cùng kỳ, đạt 37,5% kế hoạch năm.

Các tỉnh, thành phố trong khu vực đã triển khai, tổ chức có hiệu quả các lớp tập huấn, đào tạo nghề và đào tạo khởi sự, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm, xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm.

Đối với công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (CNNTTB) khu vực miền Trung - Tây Nguyên (*chi tiết tại Phụ lục số 10*): năm 2018 có 73/244 sản phẩm CNNTTB cả nước được bình chọn (chiếm 29,92%); năm 2019: Khu vực miền Trung - Tây nguyên đăng ký 69/226 sản phẩm cả nước tham gia Chương trình bình chọn cấp Quốc gia, dự kiến sẽ trao 110 sản phẩm cấp quốc gia (chiếm 45,08% số lượng bình chọn).

Về lĩnh vực Tư vấn phát triển công nghiệp: Đã thực hiện một số hoạt động như: Kiểm định điện kế của Công ty Điện lực; Lập hồ sơ thiết kế công

trình cấp điện cho các khu dân cư, đường giao thông, công trình điện chiếu sáng; Tổ chức tập huấn về các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong doanh nghiệp sản xuất; Phát hành Cẩm nang kỹ năng tiết kiệm năng lượng, thiết bị gia dụng dán nhãn năng lượng trong hộ gia đình; nghiệm thu và bàn giao Website cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đạt sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực; tư vấn các dự án đầu tư lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại; thiết kế và lập tổng dự toán các công trình điện; thẩm tra thiết kế kỹ thuật thi công và giám sát kỹ thuật thi công; Khảo sát địa hình thực hiện dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời; kiểm toán năng lượng; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Phối hợp lắp đặt mô hình thí điểm cấp điện thông minh bằng năng lượng mặt trời...

Trong năm 2018, toàn khu vực đã thực hiện tư vấn 308 dự án, tăng 3 lần so với cùng kỳ; tổng số kinh phí thực hiện là 14,91 tỷ đồng; tăng hơn 2 lần so với năm 2017.

Trong 7 tháng đầu năm 2019, toàn khu vực đã thực hiện tư vấn 105 dự án; đạt 35% kế hoạch năm; giảm 35,6% so với cùng kỳ; tổng số kinh phí thực hiện là 7,78 tỷ đồng; đạt 60,8% kế hoạch năm; tăng 18,7% so với cùng kỳ.

## **7. Công tác quản lý thương mại, xuất nhập khẩu**

- Tập trung triển khai thực hiện Chương trình bình ổn giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn tỉnh, thành phố trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Xây dựng và triển khai phương án dự trữ hàng hóa phòng chống thiên tai hàng năm.

- Đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tổ chức có hiệu quả các Chương trình tháng bán hàng khuyến mại, phiên chợ hàng Việt, đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi, đưa hàng Việt qua biên giới bằng nguồn kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia và địa phương. Triển khai xây dựng các điểm bán hàng Việt Nam với tên gọi "Tự hào hàng Việt Nam". Ngành Công Thương đã tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng như Hội chợ Công Thương Khu vực Miền trung - Tây Nguyên - Nhịp cầu xuyên Á - Quảng Trị 2018; Hội chợ Quốc tế thương mại - Du lịch - Đầu tư hành lang kinh tế Đông Tây Đà Nẵng.

- Đẩy mạnh công tác Kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức các Hội nghị kết nối cung cầu, tổ chức các buổi giao thương, gặp gỡ, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp nhằm giới thiệu, quảng bá các sản phẩm đặc trưng của địa phương, tạo điều kiện để các doanh nghiệp ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp cho các nhà phân phối.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch công tác bảo vệ người tiêu dùng; tổ chức lễ mítting và diễu hành hưởng ứng "Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam"; tăng cường quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu đối với các mặt hàng không khuyến khích, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Triển khai thực hiện Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Triển khai Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử; phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số tổ chức các hội nghị phổ biến, đẩy mạnh thực thi pháp luật trong thương mại điện tử đến các doanh nghiệp. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử theo chương trình phát triển thương mại điện tử hàng năm. Cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động Sàn giao dịch thương mại điện tử của các tỉnh, thành phố.

- Tham mưu kiện toàn Ban Hội nhập kinh tế quốc tế cấp tỉnh. Kịp thời thông tin, tuyên truyền nội dung chủ yếu các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết đến cộng đồng doanh nghiệp. Triển khai Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái bình Dương (CPTPP).

### **8. Công tác xúc tiến thương mại (Chi tiết tại Phụ lục 8)**

- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN đã đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận thông tin, tìm kiếm khách hàng, xây dựng, phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa... Đẩy mạnh và triển khai có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Tăng cường tuyên truyền vận động và nâng cao nhận thức của người dân về hàng Việt Nam, góp phần thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" gắn với thúc đẩy sản xuất và phát triển thị trường trong nước. Công tác tổ chức Hội nghị kết nối giao thương được đẩy mạnh nhằm đưa sản phẩm hàng hóa của địa phương đi quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ tại các tỉnh, thành phố trong vùng và cả nước như: Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đà Nẵng, Quảng Ngãi..., tham gia kết nối cung cầu tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.

- Trong năm 2018, toàn Vùng đã hỗ trợ 426 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; thực hiện 1 lần “tháng bán hàng khuyến mại”; 68 đợt đưa hàng Việt về nông thôn và thông

báo cho 71.605 lượt doanh nghiệp thực hiện Chương trình khuyến mại Quốc gia, xác nhận cho 604 doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến mại. Ngoài ra, trong năm 2018 đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị chuyên đề về xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh tuyên truyền về công tác xúc tiến thương mại trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương cũng như đưa tin lên các website của ngành.

- Trong 7 tháng đầu năm 2019, toàn khu vực đã hỗ trợ 198 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; tổ chức 35 đợt đưa hàng Việt về nông thôn và thông báo cho 26.575 lượt doanh nghiệp thực hiện Chương trình khuyến mại quốc gia

### **9. Công tác thanh tra, pháp chế**

- Duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực Công Thương thực hiện đúng các quy định của pháp luật; trong đó trọng tâm là công tác thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, điện lực, an toàn thực phẩm, an toàn kỹ thuật công nghiệp, lĩnh vực thương mại, kiểm tra các đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung... Công tác thanh tra được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm theo đúng kế hoạch đề ra, đảm bảo tính xác thực, cụ thể, đảm bảo tính pháp lý cao trên cơ sở các quy định của pháp luật. Công tác thanh tra đã góp phần lập lại kỷ cương kinh doanh, nâng cao nhận thức về việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả các kế hoạch: Theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Phòng chống tham nhũng, lãng phí; Tuyên truyền phổ biến pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp...

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được thực hiện thường xuyên thông qua các hình thức như: Tổ chức tập huấn, đăng tải lên website Sở, gửi văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp... Vì vậy, các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương đều được tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ đến các doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức của Sở Công Thương.

- Công tác tiếp dân được các Sở quan tâm, duy trì thường xuyên; các đơn thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền được giải quyết nhanh, dứt điểm, không để xảy ra tình trạng tồn đọng, khiếu nại kéo dài, vượt cấp.

### **10. Công tác cải cách hành chính**

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định về thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách hành chính. Thực

hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân; luôn cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính trên Website Sở, tại bộ phận “một cửa” và niêm yết tại cơ quan để các tổ chức, cá nhân thuận tiện trong việc tiếp cận, nghiên cứu, tham khảo hồ sơ, thủ tục hành chính nhanh chóng.

- Triển khai hệ thống Văn phòng điện tử, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến, Cổng thông tin điện tử, áp dụng chữ ký số đối với một số lĩnh vực tại các Sở nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm thời gian và kinh phí trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý nhà nước tại Sở Công Thương; thực hiện tốt Quy chế “Một cửa”, duy trì thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kết quả đúng thời hạn, đúng pháp luật.

#### **IV. CÔNG TÁC LIÊN KẾT PHÁT TRIỂN VÙNG**

Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương trong khu vực đã được chú trọng, được đẩy mạnh hơn trên các lĩnh vực như chia sẻ thông tin về công tác quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại. Công tác kết nối giao thương hàng hoá được tăng cường.

##### **1. Các nội dung đã thực hiện**

- Công tác chia sẻ thông tin: Duy trì thường xuyên việc trao đổi thông tin về công tác quản lý Nhà nước, hoạt động sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại thông qua việc gửi Báo cáo theo định kỳ hàng tháng, quý, năm giữa Sở Công Thương các tỉnh, thành trong khu vực, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc có liên quan trong công tác quản lý Nhà nước nhằm tăng cường liên kết, hợp tác phát triển ngành Công Thương.

- Công tác hỗ trợ sản xuất kinh doanh, kết nối giao thương hàng hóa: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực thường xuyên tổ chức, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ trong khu vực nhằm tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trong khu vực gặp gỡ, tìm kiếm cơ hội hợp tác xúc tiến đầu tư, tăng cường các hoạt động liên kết, phát triển sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giao thương giữa các địa phương trong khu vực.

Ngoài ra Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trong khu vực thường xuyên tổ chức các đoàn (gồm các phòng chuyên môn thuộc Sở; phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng/ Công Thương các quận, huyện; Trung tâm khuyến công/ Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp và doanh nghiệp) tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm về triển khai các lĩnh vực thuộc ngành quản lý tại các địa phương trong khu vực.

##### **2. Những mặt hạn chế**

- Hoạt động liên kết vùng còn yếu và lỏng lẻo, chưa có cơ chế liên kết chặt chẽ, mới chỉ dừng lại ở các sự vụ, chưa trở thành động lực lan tỏa liên kết phát triển vùng.

- Hoạt động liên kết phát triển giữa các địa phương trong khu vực còn hạn chế trong việc hỗ trợ sản xuất kinh doanh cũng như trao đổi, chia sẻ thị trường cho các doanh nghiệp trong khu vực. Do vậy, các hoạt động hợp tác trong công tác quản lý nhà nước về Công Thương giữa các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN chưa góp phần tích cực trong việc thúc đẩy sự phát triển của toàn khu vực tương xứng với tiềm năng.

- Chưa có sự liên kết chặt chẽ trong công tác xây dựng quy hoạch phát triển các lĩnh vực của ngành Công Thương trong khu vực, chưa có sự phối hợp đồng bộ nhằm vừa phát triển toàn khu vực, vừa phát huy và khai thác tốt lợi thế so sánh của từng địa phương.

- Hệ thống hạ tầng của khu vực MT-TN như đường giao thông, cảng biển, sân bay... vẫn còn thiếu đồng bộ và thiếu kết nối thống nhất trong toàn khu vực nên sự kết nối hạ tầng giữa các tỉnh, thành còn yếu, đã trở ngại lớn trong việc hợp tác phát triển và thu hút đầu tư, đặc biệt là trong việc khai thác hạ tầng thương mại và dịch vụ logistic.

- Các doanh nghiệp trong khu vực MT-TN đa số là doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, thị trường còn hạn chế, chưa xây dựng được các thương hiệu lớn. Một số doanh nghiệp còn mang nặng tư tưởng cạnh tranh của nền sản xuất nhỏ và cục bộ địa phương nên chưa quan tâm nhiều đến vấn đề liên kết hợp tác cung ứng hàng hóa, dịch vụ để cùng phát triển trong xu thế hội nhập.

## **C. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ**

### **1. Những kết quả đạt được**

- Hoạt động sản xuất công nghiệp của khu vực có mức tăng trưởng khá, cơ cấu nội bộ công nghiệp có bước chuyển dịch với tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo tăng dần.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng khu vực MT-TN có mức tăng cao hơn mức tăng chung của cả nước. Công tác xúc tiến thương mại được đẩy mạnh tạo điều kiện cho doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm và mở rộng thị trường, giải phóng hàng tồn kho. Việc thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tổ chức các phiên chợ hàng Việt về nông thôn, miền núi, qua biên giới đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển trải đều toàn vùng từ thành thị đến nông thôn. Thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra kiểm tra, ổn định thị trường trong từng địa phương và khu vực, đồng thời nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật trong kinh doanh.

- Các tỉnh trong khu vực đã chủ động mở rộng tìm kiếm khách hàng tại các thị trường mới thâm nhập, các doanh nghiệp đã tận dụng khai thác nhiều lợi thế hàng hóa Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan do các Hiệp định Thương mại tự do song phương và đa phương mà Việt Nam đã ký kết để đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp, thương mại được quan tâm đầu tư, cải thiện. Việc đầu tư phát triển CCN đã bước đầu đáp ứng được mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cơ sở sản xuất công nghiệp ở nông thôn.

- Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Công Thương được chú trọng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả; Chủ động triển khai kịp thời các chương trình, kế hoạch của Bộ Công Thương và UBND tỉnh, thành phố. Tích cực thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn giúp doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh, nhiều thủ tục hành chính được rút ngắn, giảm thiểu thời gian chờ đợi cho người dân và doanh nghiệp.

## **2. Những hạn chế**

- Công tác quy hoạch ngành công nghiệp, thương mại nhìn chung chưa đồng bộ, còn thiếu tầm nhìn chiến lược, chưa lường hết khó khăn của nền kinh tế và diễn biến của thị trường, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư; chưa đảm bảo được tính thống nhất, hài hòa trong liên kết phát triển vùng.

- Chủ trương, cơ chế chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh đã được ban hành, nhưng việc hướng dẫn cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện còn chậm nên chưa hiệu quả

- Ngành công nghiệp tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, chưa bền vững, chất lượng chưa cao, khả năng cạnh tranh còn hạn chế; đầu tư đổi mới công nghệ tiên tiến, công nghệ hiện đại còn chậm, sản phẩm chế biến thô và gia công còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành công nghiệp và cơ cấu hàng xuất khẩu; việc thu hút đầu tư vẫn còn nhiều hạn chế.

- Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các CCN còn chậm, ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư; công tác xúc tiến đầu tư vào các khu, CCN được các địa phương trong khu vực quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao, một số dự án đã đăng ký đầu tư nhưng chậm triển khai hoặc triển khai nhưng không đúng tiến độ đã cam kết...

- Hệ thống mạng lưới hạ tầng thương mại phát triển chậm, các loại hình thương mại hiện đại đã hình thành nhưng chưa nhiều; việc ứng dụng và phát triển thương mại điện tử vẫn chưa được các doanh nghiệp thật sự quan tâm.

Hệ thống phân phối chủ yếu nhỏ lẻ, bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu tính liên kết và tính chuyên nghiệp trong phân phối trước yêu cầu Hội nhập kinh tế quốc tế. Việc thu hút nhà đầu tư vào xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại lại gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đầu tư vào lĩnh vực xây dựng chợ.

- Thông tin dự báo, cảnh báo về tình hình kinh tế trong và ngoài nước đến các doanh nghiệp chưa kịp thời. Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Trình độ quản lý, mức độ ứng dụng khoa học - kỹ thuật và năng lực dự báo thị trường còn hạn chế, bị động trong bối cảnh hội nhập quốc tế; thiếu nhiều chuyên gia giỏi, giàu kinh nghiệm để làm công tác quản lý.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế**

- Sự chủ động phối hợp giữa Sở Công Thương và các ngành chức năng của địa phương trong việc triển khai thực hiện một số chủ trương chính sách của Chính phủ cũng như của địa phương thiếu đồng bộ và quyết liệt nên chưa đạt hiệu quả cao. Công tác quy hoạch, kế hoạch và dự báo chưa lường hết khó khăn của nền kinh tế và diễn biến của thị trường.

- Việc thu hút vốn ngoài ngân sách nhà nước cho đầu tư hạ tầng công nghiệp và thương mại còn thấp, nhất là đầu tư hạ tầng CCN.

- Các doanh nghiệp trong vùng chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tài chính hạn chế, trình độ công nghệ lạc hậu và chậm được đầu tư đổi mới; chất lượng sản phẩm thấp, sức cạnh tranh yếu. Hầu hết các doanh nghiệp thiếu chiến lược phát triển lâu dài. Công tác thông tin dự báo, cảnh báo các tác động và nguy cơ của những yếu tố bên ngoài về tình hình kinh tế trong nước và ngoài nước cho các doanh nghiệp còn hạn chế. Hoạt động xuất khẩu còn phụ thuộc vào cung cầu và biến động giá cả của thị trường thế giới.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 5 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

#### **I. CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019**

Trên cơ sở dự báo kết quả thực hiện 7 tháng đầu năm và tình hình thực tế, để thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2019, ngành Công Thương khu vực MT-TN phấn đấu trong 5 tháng cuối năm đạt được các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn so với mức tăng bình quân chung của cả nước.

2. Giá trị sản xuất công nghiệp phấn đấu đạt 220.152 tỷ đồng, đưa giá trị sản xuất cả năm 2019 đạt 482.368 tỷ đồng, đạt 101,18% kế hoạch năm, tăng 8,65% so với năm 2018.

3. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phấn đấu đạt 338.387 tỷ đồng, đưa tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm 2019 đạt 783.009 tỷ đồng, đạt 100,02% kế hoạch, tăng 12,3% so với năm 2018 (*Bộ Công Thương dự kiến cả nước tăng 11,5-12%*).

4. Kim ngạch xuất khẩu phấn đấu đạt 3,6 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2019 đạt 8,99 tỷ USD, đạt 98,1% kế hoạch năm, tăng 6,4% so với cùng kỳ (*Quốc hội phê duyệt cả nước dự kiến tăng 7-8%*).

5. Kim ngạch nhập khẩu đạt 2,26 tỷ USD, đưa tổng kim ngạch nhập khẩu cả năm 2019 đạt 5,35 tỷ USD, đạt 106,1% kế hoạch năm, tăng 3,4% so với năm 2018.

#### **II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU**

Để hoàn thành tốt các mục tiêu trên, ngành Công Thương các tỉnh, thành phố khu vực MT-TN tiếp tục thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ chỉ đạo về phát triển kinh tế xã hội<sup>3</sup>

---

<sup>3</sup> Nghị quyết số 01/NQ-CP của chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho Doanh nghiệp; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019.

và thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện từng tháng, từng quý... đồng thời triển khai một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

## **1. Đối với lĩnh vực công nghiệp**

**1.1.** Tập trung hoàn thành nhiệm vụ xây dựng các đề án, cơ chế chính sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Thực hiện quản lý tốt các quy hoạch đã được phê duyệt, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch, đề án bảo đảm sự phù hợp và tính liên kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển Công Thương của khu vực MT-TN. Lồng ghép các chương trình, đề án để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp.

**1.2.** Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng chuyển từ gia công chế biến sang sản xuất toàn bộ, tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh của địa phương; khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đẩy nhanh tiến độ các dự án đang đầu tư để sớm đưa vào hoạt động nhằm nâng cao năng lực sản xuất cho ngành.

**1.3.** Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu về nguyên phụ liệu để gia tăng hàm lượng nội địa cho hàng hóa xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

**1.4.** Về công tác quản lý CCN: (i) Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Thông tư số 15/2017/TT-BCT và quy định của pháp luật về CCN; (ii) Khẩn trương hoàn thành xây dựng quy chế/quy định phối hợp quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong các CCN theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; (iii) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN phù hợp khả năng ngân sách địa phương; (iv) Thường xuyên rà soát tiến độ triển khai quy hoạch, hiệu quả hoạt động của các CCN trên địa bàn, đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, hiệu quả sử dụng đất và tuân thủ quy định của pháp luật, nhất là pháp luật bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng (v) Chỉ đạo tập trung nguồn lực hoàn chỉnh hạ tầng các CCN hiện có để phát huy hiệu quả; trong đó chú trọng công tác bảo vệ môi trường tại các CCN, quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống xử lý môi trường tại các CCN đã đi vào hoạt động.

**1.5.** Thực hiện có hiệu quả các đề án Khuyến công từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và địa phương theo kế hoạch đã được phê duyệt nhằm tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, phát triển sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm các chương trình đề án đã thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả của công tác khuyến công.

## **2. Đối với hoạt động thương mại**

### **2.1. Phát triển thương mại trong nước**

- Tham mưu UBND các tỉnh, thành phố xây dựng Chương trình dự trữ hàng hóa bình ổn thị trường, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho người dân trong các tháng cuối năm 2019 và Tết nguyên đán 2020.

- Tham mưu cơ chế chính sách khuyến khích thu hút đầu tư các dự án trọng điểm phát triển hạ tầng thương mại. Thu hút đa dạng các nguồn vốn nhằm phát triển hạ tầng thương mại, trong đó chú trọng xã hội hóa đầu tư phát triển chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, các cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn, đẩy mạnh phát triển thị trường nông thôn.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình Xúc tiến thương mại, đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. thực hiện tốt cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”. Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến thương mại; hỗ trợ các doanh nghiệp tăng cường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm tiêu biểu của địa phương thông qua các Hội chợ triển lãm, sàn giao dịch thương mại điện tử, hội nghị kết nối cung cầu...

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật, đặc biệt tập trung chống buôn lậu và gian lận thương mại... bảo vệ sản xuất trong nước và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng. Thực hiện tốt chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử nhằm hiện đại hóa quy trình kinh doanh, xây dựng chuỗi cung ứng thông minh, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế. Thực hiện tốt kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020.

### **2.2. Xuất nhập khẩu**

- Tập trung nâng cao chất lượng, giá trị hàng hóa xuất khẩu, triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những mặt hàng có giá trị cao, mặt hàng chủ lực có lợi thế cạnh tranh của từng tỉnh làm động lực thúc đẩy để tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu. Hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng không thiết yếu, thiết bị công nghệ lạc hậu và các loại hàng hóa, vật tư trong nước đã sản xuất được.

- Tăng cường đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu, tăng cường tìm kiếm, mở rộng thị trường. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu có cơ hội giao thương với các thị trường tiềm năng nhằm tăng khả năng xuất khẩu. Củng cố và nâng cao vai trò của các Hiệp hội, ngành nghề nhằm liên kết, hỗ trợ nhau trong quá trình tổ chức sản xuất, xuất khẩu và xúc tiến thương mại.

- Thông qua các hội thảo, chương trình tập huấn, hỗ trợ các doanh nghiệp về cung cấp thông tin và cách phòng tránh, xử lý tranh chấp thương mại; nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại đối với các hiệp hội, doanh nghiệp; cung cấp thông tin về pháp luật và thông lệ quốc tế, tình hình thị trường xuất khẩu, các quy định của các nước sở tại đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn từng tỉnh, thành phố.

### **3. Công tác cải cách hành chính**

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định về thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giải quyết các thủ tục hành chính; ứng dụng phần mềm quản lý, chữ ký số, áp dụng dịch vụ công trực tuyến vào công tác giải quyết thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông” theo quy định đảm bảo công khai, đúng thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật.

### **4. Các công tác khác**

- Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền các cơ chế, chính sách, văn bản mới liên quan đến cộng đồng doanh nghiệp. Kịp thời tuyên truyền, phổ biến nội dung và lộ trình thực hiện các cam kết FTA; triển khai tốt các nội dung về hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác với các tỉnh có đường biên giới với các nước trong khu vực.

- Đẩy mạnh thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, nhân rộng mô hình điện mặt trời trên mái nhà, kiểm toán năng lượng tại các cơ sở công nghiệp...

- Tập trung thực hiện Tiêu chí số 4 (điện nông thôn) và Tiêu chí số 7 (cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) theo kế hoạch của từng tỉnh, thành phố.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hành chính và chuyên ngành việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công thương như: an toàn kỹ thuật công nghiệp, hóa chất, VLNCN, điện lực, an toàn thực phẩm... tại các doanh nghiệp.

### **5. Tăng cường hợp tác, phát huy sức mạnh liên kết Vùng**

- Căn luật hóa và xây dựng mô hình và các công cụ cụ thể để quản lý hoạt động liên kết vùng; Nghiên cứu xây dựng bộ máy hoạt động tinh gọn, một cơ chế tài chính và tính pháp lý đủ cao cho cơ quan điều phối các hoạt động liên kết Vùng; Cơ quan điều phối các hoạt động liên kết vùng là cơ quan hoạch định chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong Vùng nhằm đảm bảo có sự phân công giữa các địa phương trong Vùng.

- Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, hợp tác phát triển giữa các địa phương trong xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của từng địa phương. Thường xuyên trao đổi thông tin giữa các địa phương trong cả nước nhằm tạo cơ chế phối hợp trong công tác quản lý phát triển ngành Công Thương, chú trọng hợp tác về đầu tư, liên kết sản xuất, cung ứng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp trong khu vực. Liên kết mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề cho người lao động tại các địa phương, phối hợp tốt trong triển khai, thực hiện công tác quản lý ngành./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh;
- Cục CTDP;
- Sở Công Thương các tỉnh MTTN;
- Đại biểu dự Hội nghị;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, KHTCTH.

**GIÁM ĐỐC**

## PHỤ LỤC

- *Phụ lục 1*: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 2*: Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 3*: Tổng mức bán lẻ hàng hóa - doanh thu dịch vụ tiêu dùng khu vực miền Trung - Tây nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 4a*: Kim ngạch xuất khẩu khu vực miền Trung - Tây nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 4b*: Kim ngạch nhập khẩu khu vực miền Trung - Tây nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 5*: Hoạt động khuyến công khu vực miền Trung - Tây nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 6 a,b,c*: Tình hình phát triển Khu kinh tế, Khu, cụm công nghiệp khu vực miền Trung - Tây Nguyên 7 tháng đầu năm 2019 và Quy hoạch đến năm 2020;

- *Phụ lục 7*: Tình hình phát triển hệ thống hạ tầng thương mại khu vực miền Trung - Tây Nguyên 7 tháng đầu năm 2019 và quy hoạch đến năm 2020;

- *Phụ lục 8*: Công tác xúc tiến thương mại khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 9*: Kết quả Tiêu chí số 4 về điện và số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2018 và 7 tháng đầu năm 2019;

- *Phụ lục 10*: Kết quả bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2018.